

Hồ Chí Minh

Nhà hiền triết Phương Đông

PGS. TS TRẦN LÊ BẢO

Trường Đại học Sư phạm Hà Nội

Hủ tịch Hồ Chí Minh – anh hùng giải phóng dân tộc là nhà văn hóa lớn của Việt Nam và thế giới. Di sản của Người để lại cho chúng ta vô cùng phong phú, không chỉ là những tư tưởng sáng suốt của sự tích hợp minh triết phương Đông và triết học phương Tây trong thời đại mới, mà còn là nhân cách sáng ngời của bậc “Đại Nhân, Đại Trí, Đại Dũng” (chữ dùng của Viên Ưng), là phong cách của một nhà hiền triết phương Đông theo chuẩn mực đạo đức của Trung Quốc.

1. Xuất thân trong một gia đình nhà Nho, ngay từ nhỏ Hồ Chí Minh được tiếp nhận và đã thấm nhuần văn hóa Trung Hoa, đặc biệt là những tinh hoa minh triết phương Đông. Người đã coi trọng và vận dụng các giá trị văn hóa này trong mọi hoàn cảnh, từ tự tu dưỡng rèn luyện nhân cách tới việc tìm đường thực hiện lý tưởng, khát vọng lớn lao giành độc lập tự

do hạnh phúc cho dân tộc Việt Nam và cả nhân quần cần lao đau khổ.

Lớn lên trong cảnh nước mất nhà tan, tận mắt chứng kiến không biết bao chí sĩ, các anh hùng dân tộc đứng lên chống Pháp đều bị thất bại, Hồ Chí Minh (khi ấy có tên là Nguyễn Tất Thành) đã quyết tâm đi sang phương Tây tìm đường cứu nước. Chính ở “trời Tây” Người đã tiếp nhận được triết học phương Tây để bổ sung cho minh triết phương Đông. Người cũng tiếp nhận được chủ nghĩa Mác – Lênin một tư tưởng tiên tiến của thời đại, định hướng con đường giải phóng các dân tộc trên thế giới. Hồ Chí Minh cũng thức nhận rằng cần phải tích hợp cả văn hóa phương Tây và văn hóa phương Đông, cần vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác – Lênin vào hoàn cảnh thực tiễn của các nước thuộc địa phương Đông trên cơ sở gắn kết nó với minh triết phương Đông,

đặc biệt với truyền thống văn hóa Trung Hoa.

Do yêu cầu của thời đại, lại biết chủ động học tập tiếp nhận những yếu tố truyền thống tinh hoa của cả triết học phương Tây và minh triết phương Đông kết hợp với triết học tiên tiến hiện đại, cùng với những trải nghiệm vô cùng phong phú trong cuộc sống ở phương Đông và phương Tây, Hồ Chí Minh đã trở thành bậc hiền triết phương Đông. Đó là người không chỉ có phẩm đức cao thượng, có sự hiểu biết sâu rộng mà còn có tư tưởng và tài năng siêu quần, được người đời tôn sùng. Phẩm chất này đã được Viên Ưng khái quát trong khi đọc *Nhật kí trong tù* của Hồ Chí Minh là “Đại Trí, Đại Nhân, Đại Dũng”.

Mặc dù có phong cách của nhà hiền triết phương Đông đặc biệt phẩm chất “nhà hiền triết Trung Hoa”, nhưng Hồ Chí Minh trước hết vẫn là người anh hùng, nhà văn hóa Việt Nam. Người đã kế thừa và làm rực rỡ hơn nét độc đáo của những anh hùng, hiền nhân Việt “lưng đeo gươm tay mềm mại bút hoa”, từ Lý Thường Kiệt, Trần Hưng Đạo, Nguyễn Trãi... Việt Nam là một đất nước tươi đẹp song cũng có nhiều thiên tai khắc nghiệt, ngàn đời nay lại luôn bị ngoại bang dòm ngó, xâm lược. Để có thể tồn tại và phát triển, dân tộc Việt luôn phải sản sinh ra những người con anh hùng, những bậc hiền tài để có thể đứng ra dẫn dắt dân tộc, đất nước thoát khỏi hiểm họa của “kẻ thù hai chân và bốn chân”. Vì vậy, những hiền tài Việt Nam đều có đủ cả “văn” (Tay mềm mại

bút hoa) và “võ” (lưng đeo gươm), vừa có đạo đức cao cả lại có cả tài trí uyên bác, luôn chủ động ứng xử khéo léo đối với mọi thách thức đặt ra cho mình và cộng đồng dân tộc. Đạo đức lớn nhất mà hiền tài đem lại cho dân tộc Việt Nam là giữ gìn toàn vẹn lãnh thổ, đem lại hòa bình và cuộc sống tốt đẹp cho nhân dân.

Suốt cuộc đời của Hồ Chí Minh là sự thể hiện sinh động phong cách của bậc hiền triết phương Đông, từ trong sinh hoạt giản dị thường nhật tới tư tưởng tình cảm hành động dành cho dân cho nước và cho cả nhân loại cần lao thế giới. Trong minh triết phương Đông, người Trung Hoa cho rằng: “Ngay những phẩm chất đạo đức của con người, tư tưởng Trung Hoa thiên về nhấn mạnh chúng như là sản phẩm của tình thế hoặc hoàn cảnh hơn là xem chúng như là thuộc tính tự tại của chủ thể (vốn là quan niệm của triết học phương Tây – TLB lưu ý)” (Francois Jullien - *Minh triết phương Đông và triết học phương Tây* - Chủ biên Hoàng Ngọc Hiến, Lê Hữu Khóa NXB Đà Nẵng, 2004, tr.22). Vì vậy trong khuôn khổ bài viết, chúng tôi muốn làm sáng tỏ phong cách hiền triết “Đại Trí, Đại Nhân, Đại Dũng” của Hồ Chí Minh trong một hoàn cảnh thật đặc biệt, thậm chí phải nói là khắc nghiệt. Đó là khi Người bị bắt giam trong nhà lao ở tỉnh Quảng Tây – Trung Quốc thời Tưởng Giới Thạch, từ mùa thu năm 1942 đến mùa thu năm 1943. Tại đây Người đã viết tập nhật kí bằng thơ chữ Hán, gồm 133 bài mang đậm phong vị thơ Đường.

Tập *Nhật ký trong tù* thể hiện sinh động trí tuệ sâu sắc, tình yêu bao la đối với thiên nhiên, con người, cuộc sống, lòng yêu nước thiết tha và khát vọng tự do cũng như dũng khí của người chiến sĩ cách mạng - thi sĩ Hồ Chí Minh quyết vượt lên tất cả nghịch cảnh để vươn tới lí tưởng cao cả vì dân vì nước. Tất cả đã tạo nên cốt cách của một nhà hiền triết phương Đông với những phẩm chất Nhân - Trí - Dũng.

2. Nhân là phẩm chất đầu tiên của hiền triết Hồ Chí Minh

Trước hết là khái niệm cổ dùng để chỉ phẩm chất của những bậc hiền nhân quân tử thời xưa. Nhân là lòng yêu thương của con người đối với xã hội và tự nhiên. Trong quan niệm của minh triết phương Đông, cụ thể quan niệm của Khổng - Mạnh Trung Hoa cho rằng: đạo đức cá nhân bao gồm hai loại quan hệ (hoặc hai loại trách nhiệm): Đó là quan hệ giữa cá nhân với người khác và với cộng đồng; *hai là* quan hệ của cá nhân với bản thân mình được thể hiện bằng một loại phẩm chất không làm hại đến đạo đức cá nhân gắn với chữ “tự” như: tự trọng, tự tin, tự ái, tự tu, tự cường... Mặt khác đạo đức này “cũng đòi hỏi cao về sự tự giác, chân thành, chủ động trong hành vi đạo đức” của mỗi người (Francois Jullien - *Minh triết phương Đông và triết học phương Tây*, tr.26). Nhân ái của Hồ Chí Minh không chỉ là kế thừa lòng yêu thương và ý thức chủ động, tự giác trong hành vi đạo đức mà còn được nâng cao thành chủ nghĩa nhân

đạo cộng sản, rộng lớn và sâu sắc của thời đại mới.

Trong hoàn cảnh nhà tù hết sức khắc nghiệt, thậm chí không được coi là con người, nhưng Hồ Chí Minh đã vượt lên những khổ đau của mình để cảm thông chia sẻ với mọi kiếp người, mọi cảnh ngộ xung quanh, từ những trạng thái tâm lí khao khát hạnh phúc lứa đôi khi bị chia cắt bởi nhà giam (*Người bạn tù thổi sáo*, *Vợ người bạn tù đến thăm chồng*), là tiếng khóc oan trái của trẻ thơ vốn được hưởng mọi ưu ái của xã hội nay chưa đầy tuổi đã bị sống trong nhà lao (*Cháu bé trong nhà lao Tân Dương*), đến thân phận xấu số của một người tù cờ bạc (*Một người tù cờ bạc vừa chết*), người phu đường, cô gái xóm nhỏ xay ngô... có thể nói *Nhật ký trong tù* có cả một “thế giới người” khổ đau lam lũ của xã hội Trung Quốc thu nhỏ, cần được động viên nâng đỡ. Hãy nghe một rung cảm tinh tế của Hồ Chí Minh khi thấy vẳng lên tiếng sáo của người bạn tù trong bài “*Người bạn tù thổi sáo*”.

“*Bỗng nghe trong ngục sáo vi vu*
Khúc nhạc tình quê chuyển điệu sầu
Muôn dặm quan hà khôn xiết nỗi
Lên lầu ai đó ngóng trông nhau”

Âm điệu vi vu đến sâu não nhiều cung bậc của tiếng sáo bỗng cất lên từ nơi ngục tù đã gợi lên bao liên tưởng. Tiếng sáo đã thành nhịp cầu kết nối bao tâm trạng: Trước hết là chủ thể của tiếng sáo – một người tù đau buồn trong tù ngục, gửi lòng nơi tiếng sáo, từ khúc nhạc giải khuây chuyển thành khúc

nhạc sâu và mối sâu tư hương kia như có cánh bay vượt “muôn dặm quan hà” về tới quê nhà để rồi nơi xa ngái kia, có cảnh “lên cao trông xa” của người “khuê phụ” đang lần bước lên một tầng lầu trên ngóng trông cho rõ hơn. Tiếng sáo đã kết nối hai tâm hồn xa cách. Một thính giả cô đơn trong cảnh lao tù, nhưng cũng rất sành âm nhạc đã rung cảm theo điệu sáo, nương theo tiếng sáo mà gửi hồn nhớ thương về cố hương, đã đồng cảm với tình cảm da diết thương nhớ của đôi lứa phải cách xa. Tiếng sáo đã kết nối tâm hồn ba nhân vật xa lạ, trong cùng một thời điểm, ở ba không gian xa cách, ba cảnh ngộ, trong ba tư thế. Vượt lên tất cả là tiếng sáo của lòng đồng cảm, tiếng sáo của khao khát tự do và hạnh phúc cho con người. Bài thơ mang hồn bi thương đầy sâu hận của những bài thơ “khuê phụ” đậm phong vị thơ Đường xưa mà Hồ Chí Minh đã tiếp nhận được. Chỗ khác là hình ảnh vợ người bạn tù đến thăm chồng ở nhà lao, đã được Bác ghi lại cận cảnh “tình cảnh đáng thương thật” bằng một loạt quan hệ đối lập: trong và ngoài, gần và xa, nói và không nói...

*“Anh ở trong song sắt
Em ở ngoài song sắt
Gần nhau trong tác gang
Mà biển trời cách mặt
Miệng nói chẳng nên lời
Nói lên bằng khoé mắt
Chưa nói, lệ tuôn đầy
Tình cảnh đáng thương thật”*

Bài thơ không một âm thanh, không một lời nói, là sự uất nghẹn nơi con tim hai con người đau khổ. Nhưng chỗ không nói lại nói lên được nhiều nhất nỗi đau của thân phận con người bất lực trước cảnh tù ngục kiên cố và ngang trái.

Tình thương của Hồ Chí Minh không chỉ dành cho con người mà còn bao trùm lên cả tự nhiên, những vật tưởng vô tri vô giác cũng có hồn trong thơ Hồ Chí Minh:

*“Hoa hồng nở hoa hồng lại rụng
Hoa tàn hoa nở cũng vô tình
Hương hoa bay thấu vào trong ngục
Kể với tù nhân nỗi bất bình”*

(Cảnh chiều hôm)

Hoa nở và rụng là quy luật vô tình của con tạo. Nhưng cái hữu tình đáng quan tâm ở đây lại là hương hoa được nhân hóa bay vào trong ngục sẻ chia với “tù nhân nỗi bất bình” như cái đẹp tìm được đến với cái đẹp. Giữa tự nhiên bao la mà vô tình kia, hoa không tìm thấy người tri kỷ. Vậy mà qua những chấn song sắt nhà tù chật chội, tối tăm, hoa đã gặp được một trái tim nhạy cảm biết rung cảm trước cái đẹp, biết biến cái đẹp mong manh thành cái đẹp bất tử. Trái tim ấy ở nơi lồng ngục người tù - nhà thơ - người chiến sĩ cách mạng nhân hậu. Nói là hương hoa bay vào mà chính là tấm lòng nhân ái bao dung của nhà thơ Hồ Chí Minh mở ra đối với thiên nhiên cho dù là một không gian chật chội của nhà tù, dù chỉ là một nhành hoa hồng nhỏ với làn hương mỏng cũng rất đẹp và đáng trân trọng. Bông hồng nhỏ

đã thăng hoa nơi tâm tưởng của Hồ Chí Minh và kết tinh thành những vần thơ bay bổng đậm tình người. Rõ ràng lòng nhân ái của Hồ Chí Minh chính là sự tự giác, chủ động và chân thành trong từng hành vi đạo đức đối với mọi đối tượng trong cuộc sống. Ngay cả những vật tầm thường, tưởng như vô tri như một cái rặng rưng, một cây gậy chống đi đường cũng mang tình người sâu sắc. Bị giải đi trên những chặng đường xa, từ sáng tới tối, vô cùng mệt nhọc, chiếc gậy đã trở thành “người bạn đường” thân thiết, nâng đỡ từng bước đi cho tù nhân Hồ Chí Minh:

*“Suốt đời ngay thẳng lại kiên cường,
Dìu dắt nhau đi mấy tuyết sương.
Giận kẻ bất lương gậy cách biệt
Hai ta dằng dặc nỗi buồn thương”*

(Lính ngục đánh cắp một chiếc gậy của ta)

Chiếc gậy được miêu tả với phẩm chất của người quân tử ngay thẳng kiên cường, một người bạn gắn bó đồng cam cộng khổ nương tựa lẫn nhau với con người. Giờ đây chỉ còn nỗi buồn dằng dặc của sự cô đơn, khi lính ngục muốn hành hạ gậy thêm khổ sở cho tù nhân bằng cách đánh cắp mất cây gậy nâng đỡ độ đường. Cây gậy chống để đi đường xa bằng tre hay gỗ vốn rất đổi bình thường. Nhưng nó không còn là bình thường nữa khi trở thành vật kỉ niệm gắn bó, thực sự chia sẻ với con người, nhất là lúc con người gặp khó khăn trên đường dài thiên lí.

Lòng nhân ái Hồ Chí Minh không chỉ là sự đồng cảm chia sẻ với mọi kiếp

người khổ đau với những vật cho dù nhỏ bé trong cuộc sống, mà còn chan hòa với niềm vui của người lao động. Trên đường bị giải đi từ nhà lao này tới nhà lao khác, Hồ Chí Minh buồn khi dân Long An - Đồng Chính mất mùa do hạn hán, hôm nay Người chia vui với niềm vui của người nông dân phải trải bao mưa nắng nay mới được mùa. Tiếng ca vui về no ấm vang trên cách đồng quê kia cũng có cả tiếng ca vui của người tù luôn rộng mở trái tim yêu thương với mọi người

*“Tôi đây khi lúa còn con gái
Gặt hái hôm nay quá nửa rồi
Khắp chốn nông dân cười hân hỷ
Đồng quê vang dậy tiếng ca vui”*

(Cảnh đồng nội)

Tuy nhiên lòng nhân ái của Hồ Chí Minh còn là tình thương của người chiến sĩ cách mạng mang màu sắc của chủ nghĩa nhân đạo cộng sản. Đó không chỉ là sự đồng cảm của người cùng cảnh ngộ, cùng giai cấp mà cao hơn là quyết tâm tìm đường đem lại cho mọi kiếp người khổ đau kia những giá trị nhân văn thật sự. Đó là khát vọng lớn lao giải phóng cho con người, cho dân tộc mình và những người cần lao trên thế giới, đem lại độc lập cho tổ quốc, tự do và cơm no áo ấm cho nhân dân. Bị giam cầm và đầy đọa trong nhà lao nhưng Hồ Chí Minh luôn hướng về Tổ quốc và đồng bào, đồng chí của mình. Nỗi nhớ nước, thương dân luôn canh cánh trong lòng khiến Người nhiều đêm trằn trọc không ngủ được. Mà cho dù có chợp được mắt thì hình ảnh biểu trưng năm

cánh sao vàng của một xã hội mới vẫn luôn hiện hữu:

*“Một canh, hai canh... lại ba canh
Trần trọc, bần khoản giấc chẳng thành
Canh bốn, canh năm vừa chớp mắt
Sao vàng năm cánh mộng hồn quanh”*
(Không ngủ được)

Thế mới biết nơi con tìm Hồ Chí Minh luôn thường trực nỗi lo cho dân cho nước cả trong những lúc thức lẫn lúc ngủ. Bị giam trong tù, thời gian vật chất vô cùng quý giá trôi đi mà đau xót vì tráng chí của người anh hùng không được phát huy, nhiệm vụ của người chiến sĩ cộng sản không thực hiện được, Người mong nhanh chóng thoát khỏi chốn lao tù:

*Trời xanh cố ý hãm anh hùng,
Cùm xích tiêu ma tám tháng ròng
Tấc bóng nghìn vàng, đau xót thực
Bao giờ thoát khỏi chốn lao lung?*
(Tiếc ngày giờ)

Nhà thơ Tố Hữu đã từng viết về lòng nhân ái bao la của Hồ Chí Minh đối với con người và vạn vật:

*“Bác ơi, tìm Bác mệnh mông thế
Ôm cả non sông mọi kiếp người”.*

Đây là tấm lòng nhân ái vừa kế thừa những tinh hoa của truyền thống văn hóa phương Đông, đặc biệt văn hóa Trung Hoa. Nó có sự hòa trộn đến hài hòa giữa nhân ái của Khổng Tử với từ bi hỉ xả của Thích Ca lại vừa được nâng cao với nhân ái của Mác khi muốn giải phóng cho những con người lao động trên thế giới thoát khỏi xiềng xích ngàn năm, đem lại cho họ những giá trị nhân

văn thật sự. Đó là lòng nhân ái của bậc Đại Nhân.

3. Lòng nhân ái bao la của Hồ Chí Minh luôn dựa trên sự hiểu biết vô cùng sâu sắc của mình triết phương Đông. Minh triết phương Đông đã nâng lòng nhân ái của Hồ Chí Minh lên tầm cao cả, lòng nhân ái cũng làm minh triết Hồ Chí Minh có tính mục đích sâu sắc hơn đạt tới vị thế của bậc Đại Trí.

Trí là sự hiểu biết sâu rộng và sáng suốt, minh triết Trung Hoa cho rằng hiểu biết sâu rộng là kiến thức thông suốt được thiên văn địa lý, tam giáo cửu lưu đều thấm nhuần. Kiến thức sáng suốt không chỉ là hiểu mà còn biết vận dụng sáng tạo để xử lý tốt nhất những tình thế khó khăn đặt ra cho con người và xã hội, do đó mọi suy nghĩ, mọi hành vi đều sáng suốt, đúng “lẽ trời”, hợp “đạo lý”, tư thế luôn ung dung, bình tĩnh. Cùng với việc tiếp thu tinh hoa của Hán học, Hồ Chí Minh đã tiếp nhận được nhiều kiến thức uyên bác của minh triết Trung Hoa. Đó là những kiến thức vô cùng phong phú, phức tạp, thậm chí vô cùng “huyền ảo” và có cả một hệ thống quan niệm và phương thức tư duy khác với kiến thức và triết học phương Tây. Tuy nhiên ở đây không chỉ nói về sự đối lập của triết học và minh triết Đông Tây, mà quan trọng là Hồ Chí Minh trong hành trình gian khổ tìm đường cứu nước, đã tích hợp được những tri thức rộng lớn và sâu sắc của tinh hoa văn hóa nhân loại, trong đó có chủ nghĩa Mác - Lê nin, một tư tưởng tiên tiến của thời đại mới, nêu ra được quy luật vận động tất yếu của lịch sử xã hội loài người.

Thấm nhuần minh triết phương Đông, Hồ Chí Minh luôn ung dung tự tại, thậm chí còn “đùa cợt” cả với hoàn cảnh “đất bằng gậy sóng gió”. Người đã viết:

*“Ta là đại biểu dân Việt Nam,
Tìm đến Trung Hoa để hội đàm;
Ai ngờ đất bằng gậy sóng gió,
Phải làm “khách quý” tại nhà giam!”*
“Đường đời hiểm trở”

Bài thơ có cái tráng chí của một Lí Bạch xưa khi ông muốn thực hiện lí tưởng giúp nước cứu đời mà không thực hiện được ông đã ghi lại trong bài “Đường đi khó”. Nhà thơ họ Lí ước gì dong buồm vượt biển khơi để vượt lên cái khó của hiện thực đen tối, còn Hồ Chí Minh vốn “là đại biểu dân Việt Nam” đi “hội đàm” thế mà lại phải sắm vai “khách quý” trong tù ngục. Một nụ cười mỉa mai hài hước có pha chút bình thản.

Rơi vào nghịch cảnh, thái độ bình tĩnh, chủ động sống biết làm chủ bản thân, làm chủ xã hội và làm chủ thế giới. Làm chủ trong mọi tình thế cũng là phẩm cách của bậc Đại Trí. Mở đầu tập *Nhật ký trong tù*, Hồ Chí Minh viết:

*“Ngâm thơ ta vốn không ham,
Nhưng vì trong ngục biết làm chi đây;
Ngày dài ngâm ngợi cho khuây,
Vừa ngâm vừa đợi đến ngày tự do”.*

Đó là một thái độ sống hoàn toàn tích cực. Hồ Chí Minh từng quan niệm “Lập thân tối hạ thị văn chương” và Người vốn cũng không ham làm thơ. Nhưng trong hoàn cảnh bị giam cầm như của Người, thì văn thơ không chỉ là cách thức bộc lộ tư tưởng tình cảm, tự động

viên rèn luyện bản thân mà còn là phương tiện, là vũ khí chống lại áp bức bất công, chia sẻ với mọi kiếp người, là tiếng kèn kêu gọi tập hợp đồng chí...

Trong bài “Học đánh cờ”, chỉ là một trò chơi dân dã, nhưng Hồ Chí Minh đã khái quát tổng kết tư tưởng chiến tranh phương Đông. Đó là tinh thần tấn công thần tốc, là nghệ thuật nắm bắt thời cơ, là trí tuệ sáng suốt sắc sảo của một nhà quân sự đại tài:

I

*Tù túng đem cờ học đánh chơi
Thiên binh vạn mã đuổi nhau hoài
Tấn công thoái thủ nên thần tốc
Chân lẹ, tài cao, ắt thắng người.*

II

*Phải nhìn cho rộng suy cho kỹ
Kiên quyết không ngừng thế tấn công;
Lạc nước, hai xe đành bỏ phí
Gặp thời, một tốt cũng thành công*

III

*Vốn trước hai bên ngang thế lực
Mà sau thắng lợi một bên giành
Tấn công phòng thủ không sơ hở
Đại tướng anh hùng mới xứng danh.*

Mặc dù chỉ là bài thơ nhỏ, nhưng tinh hoa của “Bình pháp Tôn Tử”, một quyển sách viết về nghệ thuật chiến tranh nổi tiếng từ thời Xuân Thu ở Trung Hoa đã được Hồ Chí Minh chọn lọc tiếp nhận những tinh hoa nhất, dồn nén vào bài thơ làm cho người học để nhớ.

Đặc biệt các hiền triết phương Đông thường đạt tới đỉnh cao của sự hiểu biết. Đó là khả năng nắm bắt những quy luật

và năng lực dự báo sự vận động của các hiện tượng tự nhiên và xã hội. Khi nghiên cứu về minh triết phương Đông, nhà Đông phương học Nhật Bản Toshiko Izuutsu nhấn mạnh đến “năng lực đọc” có đưa ra “lí thuyết về hai cấp độ của ý thức: “Ý thức cấp một là ý thức thông thường thao tác bằng những cảm giác, tri giác, tư duy duy lí chủ yếu về những sự vật trong thời gian và ở bình diện hiện tượng luận. Ý thức cấp hai là chiều sâu của ý thức, nó có năng lực đọc được sự vật trong “sự thống nhất nguyên thủy ở trạng thái tuyệt đối chưa phân hóa của chúng” và “ở phía sau, phía bên kia của những sự vật đã đa dạng hóa thành những hiện tượng”, nó đọc được “cơ sở căn bản phi hiện tượng, siêu hình và chưa đa dạng hóa của chúng” (Francois Jullien - *Minh triết phương Đông và triết học phương Tây*, tr.49). Đây là điều mà triết học duy lí của phương Tây không có được. Tiếp nhận được minh triết Trung Hoa, Hồ Chí Minh chẳng những “đọc được” những quy luật của tự nhiên và xã hội, mà Người còn tài tình trong việc tính toán dự báo sự vận động của các hiện tượng tự nhiên và xã hội. Những tín hiệu như “hẹn bạn khi về lúa đỏ đồng” là lời dự báo vào thời điểm của “một mùa thu” cách mạng, hoặc “mơ thấy cười rông lên thượng giới” muốn hiểu được ý nghĩa của dự báo này thì phải đọc “Chu Công giải mộng toàn thư” mới vỡ ra được. Chỗ khác, mượn một hiện tượng tự nhiên của đất trời, Hồ Chí Minh đã khái quát thành quy luật của cả tự nhiên và xã hội. Trong bài “Trời hửng” Người đã viết:

*“Sự vật vẫn xoay đã định sẵn
Hết mưa là nắng hửng lên thôi
Đất trời một thoáng thu màn ướt
Sông núi muôn trùng trái gấm phơi
Trời ấm, hoa cười chào gió nhẹ
Cây cao, chim hót rộn cành tươi
Người cùng vạn vật đều phơi phơi
Hết khổ là vui vốn lẽ đời”.*

“Sự vật vẫn xoay đã định trước”, câu thơ thể hiện quan niệm tuần hoàn của triết học Lão Tử: “Vật quy kì căn” (mọi vật đều quay về với gốc) khái quát từ sản xuất nông nghiệp, mùa vụ tuần hoàn. Ở ngoài tự nhiên là cảnh đông tàn là tiếp đến xuân tới, là hết mưa là nắng hửng lên. Ngay cả trong cuộc sống xã hội loài người quy luật này cũng vẫn đúng. Đó là hết khổ là vui, các triều đại phong kiến thay nhau đắp đổi, là hết thịnh lại tới suy. Ở phương Đông, “kinh nghiệm làm mùa vụ chi phối hoạt động chính trị” cần phải tôn trọng “mùa” và tôn trọng “thời”. Chính Mạnh Tử coi “tôn trọng mùa” là mệnh lệnh và điểm xuất phát của chính trị. “Như vậy mệnh lệnh chính trị phải tính đến mệnh lệnh của tự nhiên (thời vụ)” (Francois Jullien - *Minh triết phương Đông và triết học phương Tây*, tr.37). Câu nói của Mạnh Tử cách đây hơn 2000 năm vẫn còn nguyên giá trị, khi loài người chỉ biết phát triển kinh tế mà không tôn trọng tự nhiên. Thảm họa biến đổi khí hậu toàn cầu đang hiện hữu đe dọa cuộc sống của hành tinh khi con người không biết tôn trọng “mệnh lệnh của tự nhiên”. Nắm được quy luật tất yếu của tự nhiên và

xã hội, người minh triết luôn bình tĩnh và tin tưởng vào ngày mai tươi sáng mặc dù thực tại còn khổ đau tăm tối. Minh triết Hồ Chí Minh đã đạt tới đỉnh cao của trí tuệ và khả năng vận dụng nó trong thực tiễn.

4. Hồ Chí Minh không chỉ có trí tuệ sáng suốt mà còn là một Người có dũng khí kiên cường, bất khuất trong mọi tình huống.

Dũng là trạng thái tâm lí thể hiện ý chí kiên định và lòng dũng cảm của con người trước mọi thử thách của cuộc sống nhằm bảo vệ phẩm giá của con người cũng như kiên định với lí tưởng cao đẹp. Người có ý chí kiên định và trí tuệ sâu rộng thì bao giờ cũng lạc quan tin tưởng ở ngày mai tốt đẹp. Dũng của Hồ Chí Minh trong cảnh lao tù đã được nâng lên phẩm chất “Thép”. “Chất thép” mang nội hàm rộng hơn “dũng”. Trong *Nhật ký trong tù*, chất thép không chỉ bao hàm cả khát vọng tự do, khao khát chiến đấu mà còn thể hiện ở tinh thần phê phán địch của nhà thơ cộng sản. Còn dũng thu hẹp ở ý nghĩa: Tinh thần kiên cường bất khuất coi thường mọi gian khổ, ung dung tự chủ trong mọi tình huống, nghiêm khắc với bản thân. Khổng Tử đã nói: “Cảm thấy trong lòng mình “có điều ngay thẳng” là cơ sở của nét đại dũng” (Francois Jullien - *Minh triết phương Đông và triết học phương Tây*, tr. 25)

Kiên trì lí tưởng giải phóng dân tộc, quyết không chịu làm dân nô lệ, cho dù có phải hy sinh tính mạng, người chiến sĩ cách mạng cũng quyết dẫn thân dưới cờ nghĩa không lùi bước:

“Thà chết chẳng cam nô lệ mãi
Tung bay cờ nghĩa khắp trăm miền
Xót mình giam hãm trong tù ngục
Chưa được xông ra giữa trận tiền”.

(Ở Việt Nam có bạo động)

Nhà tù Tưởng Giới Thạch chỉ có thể giam cầm thân thể, xiềng xích chân tay người tù Hồ Chí Minh, nhưng không thể giam cầm được tinh thần và ý chí của Hồ Chí Minh:

*Thân thể ở trong lao
Tinh thần ở ngoài lao
Muốn nên sự nghiệp lớn
Tinh thần càng phải cao*

Bài thơ “Bốn tháng rồi” đã khắc họa hoàn chỉnh và sắc nét chân dung của một người tù cộng sản. Mặc dù nhà tù đầy đọa, hành hạ cả về thể xác lẫn tinh thần của tù nhân bị thiếu thốn trăm bề, thân hình tiêu tụy tới mức “gầy đen như quỷ đói”, “ghẻ lở mọc đầy thân”, nhưng tinh thần và ý chí của người cộng sản không hề bị nao núng, khuất phục. Tinh thần kiên cường và ý chí kiên định đã được tôi luyện trong nghịch cảnh, biến thành sức mạnh vật chất rắn chắc như thép nâng đỡ cho người tù cộng sản chiến thắng hoàn cảnh, tôi luyện ý chí của họ kiên trì hơn nữa hướng về lí tưởng cao cả và hướng tới ngày mai tươi sáng.

Trong những ngày bị tù đầy gian khổ, Hồ Chí Minh bị giải đi hết nhà lao này đến nhà lao khác. Trong *Nhật kí trong tù*, có cả một chùm thơ viết về đề tài “người tù bị giải đi” trong mọi thời gian sáng hay tối, đi bộ hay đi thuyền... Bài “Mộ” – Chiều tối

Chim mỗi về rừng tìm chốn ngủ
Chòm mây trôi nhẹ giữa từng không
Cô em xóm núi xay ngô tối
Xay hết lò than đã rực hồng

Khắc họa hình ảnh người tù, bị giải đi trên đường, từ sáng tới tối, chim trời còn biết tìm về rừng để ngủ, còn người tù vẫn phải lê từng bước một nặng nề trên đường dài. Mặc dù thân thể mệt mỏi nhưng hình ảnh người lao động “cô em xóm núi xay ngô” và “lò than rực hồng” là những điểm sáng trong bức tranh chiều tối, làm ấm lại tình người và thấp sáng hy vọng cho người tù cô đơn đang phải lê bước trên đường thẳm.

Chỗ khác, vào thời điểm khác nghiệt thời tiết giá lạnh của sáng sớm, người tù đã bị giải đi:

I

Gà gáy một lần đêm chữa tan
Chòm sao đưa nguyệt vượt lên ngàn
Người đi cất bước trên đường thẳm
Rát mặt đêm thu trận gió hàn

II

Phương đông màu trắng chuyển sang
hồng

Bóng tối đêm tàn quét sạch không
Hơi ấm bao la trùm vũ trụ
Người đi thi hứng bỗng thêm nồng
(Giải đi sớm)

Bài thơ này thêm một lần nữa chứng tỏ Hồ Chí Minh là một người tù vĩ đại của thế kỷ trước: vĩ đại về trí tuệ, về dũng khí và nhất là về tâm hồn nghệ sĩ, mẫn cảm và lạc quan yêu đời.

Khép lại tập Nhật ký trong tù, hình tượng người tù Hồ Chí Minh luôn tỏa sáng với phẩm chất Đại Trí - Đại Nhân - Đại Dũng của bậc hiền triết phương Đông trong nền u ám tăm tối của nhà tù Tưởng Giới Thạch. Tập thơ cũng chứng tỏ Hồ Chí Minh là người am hiểu văn hóa Trung Hoa, là người đặt nền móng cho quan hệ hữu hảo giữa hai dân tộc Việt - Trung cùng nương tựa giúp đỡ nhau trong hoàn cảnh cách mạng giải phóng dân tộc khi còn khó khăn tăm tối. Hình ảnh bậc hiền triết Hồ Chí Minh có sức lan tỏa và định hướng cho các thế hệ noi theo và học tập tấm gương và những phẩm chất đạo đức cao đẹp của người chiến sĩ cộng sản - một con người suốt đời vì dân vì nước, vì sự nghiệp cách mạng cao cả của loài người. Mấy câu thơ cô đọng của nhà thơ Hoàng Trung Thông đã thay mọi người Việt Nam nói lên tất cả tấm lòng trân trọng kính yêu đối với Hồ Chí Minh:

“Tôi đọc trăm bài trăm ý đẹp
Ánh đèn tỏa rạng mái đầu xanh
Vần thơ của Bác vẫn thơ thép
Mà vẫn mệnh mông bát ngát tình”.

TƯ LIỆU THAM KHẢO CHÍNH

- 1 Phong Lê (chủ biên) Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh: Hành trình thơ văn, hành trình dân tộc, Nxb Nghệ An 2003
2. Hồ Chí Minh - Nhật kí trong tù. NXB Văn học 1964
3. Francois Jullien - Minh triết phương Đông và triết học phương Tây - chủ biên Hoàng Ngọc Hiến, Lê Hữu Khóa, Nxb Đà Nẵng 2004